

Số: 2808/2026/CBTT-SBG
No: 2808/2026/CBTT-SBG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026
Ho Chi Minh City, August 28, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: - The State Securities Commission
- Vietnam Stock Exchange
- Ho Chi Minh Stock Exchange

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tập đoàn Cơ Khí Công nghệ cao Siba
Name of company: Siba High-tech Mechanical Group Joint Stock Company
- Mã chứng khoán: SBG
Ticker symbol: SBG
- Địa chỉ: 99A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: 99A1 Cong Hoa, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Điện thoại liên hệ: 0823333181
Telephone: 0823333181
- E-mail: ir@siba.com.vn
- Nội dung thông tin công bố:
Disclosure Content:
- Báo cáo tài chính riêng 6 tháng năm 2026 được soát xét
Reviewed Separate Financial Statements for the first 6 months of 2026
- Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng năm 2026 được soát xét
Reviewed Consolidated Financial Statements for the first 6 months of 2026
- Giải trình chênh lệch LNST BCTC riêng 6 tháng năm 2026 được soát xét so với cùng kỳ năm trước
Explanation of the variance in profit after tax in the Reviewed Separate Financial Statements for the first 6 months of 2026 compared to the same period of the previous year
- Giải trình chênh lệch LNST BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2026 được soát xét so với cùng kỳ năm trước
Explanation of the variance in profit after tax in the Reviewed Consolidated Financial Statements for the first 6 months of 2026 compared to the same period of the previous year
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2026 tại đường dẫn <https://siba.com.vn/vn/bao-cai-tai-chinh>.
This information has been published on company's website on August 28, 2026 at <https://siba.com.vn/vn/bao-cai-tai-chinh>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.

Tài liệu đính kèm/Attachments:

- BCTC riêng và hợp nhất soát xét//
Reviewed Separate & Consolidated FS – 6M2026
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận BCTC riêng và hợp nhất 6 tháng được soát xét so với cùng kỳ năm trước // Explanation of Profit Variance – Reviewed Separate & Consolidated FS – 6M2026

Đại diện tổ chức

Representative

Người UQ CBTT

Person to Implement Disclosure of Information

(Sign, specify full name, position and stamp)



Đỗ Quốc Huy

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO
SIBA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT – CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4 – 5
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	6 – 53
<i>Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026</i>	<i>6 – 9</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>10</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>11 – 12</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>13 – 53</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công Nghệ cao Siba (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313140100 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2015. Trong quá trình hoạt động, công ty đã 15 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về tên công ty, địa chỉ, chủ sở hữu và vốn điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 số 0313140100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 12 năm 2024 về tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15: 599.999.170.000 VND

Trụ sở chính

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028.3811.0480
Mã số thuế: 0313140100

Tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

Tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 53).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh đạo và Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Thành viên
Ông Trần Ngọc Long	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Cao Thị Hà	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 17/08/2026
Bà Trần Thị Thu Thảo	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 17/08/2026

Các thành viên của Ban kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đào Đức Tuấn	Trưởng BKS
Ông Trương Đức Nam	Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Lệ Thương	Thành viên BKS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Hà Nội đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật chứng khoán sửa đổi số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các thông tư, nghị định hướng dẫn thi hành, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đức

Số : 1006.01.02/2026/BCTC-NTVHN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Kính gửi : **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba được lập ngày 26 tháng 08 năm 2026, từ trang 06 đến trang 53, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT (tiếp theo)

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, Ngày 26 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT – CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Phó Giám đốc



Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNTK số: 4497-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		868.540.230.099	746.547.910.072
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24.895.269.365	36.817.768.181
1. Tiền	111		24.895.269.365	36.817.768.181
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		283.951.752.395	231.073.305.317
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	283.951.752.395	231.073.305.317
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		299.176.433.799	294.293.782.097
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	275.900.053.183	244.535.226.314
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	20.463.845.327	41.512.960.192
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	6.838.492.160	9.143.900.545
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(4.025.956.871)	(898.304.954)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		217.303.513.046	143.721.633.981
1. Hàng tồn kho	141	V.7	220.177.787.500	146.595.908.435
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142	V.7	(2.874.274.454)	(2.874.274.454)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		43.213.261.494	40.641.420.496
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	4.239.773.036	1.836.484.704
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		38.973.488.458	38.804.935.792
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		834.819.128.073	805.205.140.601
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.922.180.865	51.173.593.959
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	-	36.687.475.369
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	15.922.180.865	14.486.118.590
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		689.587.506.600	232.253.547.642
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	592.732.693.941	162.031.564.686
- Nguyên giá	222		655.583.531.641	212.962.748.852
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.850.837.700)	(50.931.184.166)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	88.682.493.259	61.465.926.456
- Nguyên giá	225		94.919.257.772	64.264.191.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.236.764.513)	(2.798.265.180)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	8.172.319.400	8.756.056.500
- Nguyên giá	228		11.674.742.000	11.674.742.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.502.422.600)	(2.918.685.500)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trườn	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài h	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		61.608.134.674	507.581.461.560
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.12	61.608.134.674	507.581.461.560
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		67.701.305.934	14.196.537.440
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8a	59.865.156.920	5.766.937.937
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		1.500.278.120	1.389.742.954
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	279		6.335.870.894	7.039.856.549
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1.703.359.358.172	1.551.753.050.673

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.052.109.959.262	933.524.417.557
I. Nợ ngắn hạn	310		576.506.108.643	674.408.429.362
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	239.917.700.422	358.146.707.508
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	11.155.676.993	8.820.347.544
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	3.842.279.798	9.178.918.450
5. Phải trả người lao động	315		7.480.536.957	7.799.175.318
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	21.294.575.161	74.014.009.397
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.17	6.522.659.114	6.261.445.314
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.18a	286.292.680.198	210.187.825.831
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		475.603.850.619	259.115.988.195
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.18b	461.808.014.858	244.244.723.098
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343	V.19	13.795.835.761	14.871.265.097
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.20	651.249.398.910	618.228.633.116
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		499.999.630.000	499.999.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		499.999.630.000	499.999.630.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		(221.900.000)	(221.900.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		99.999.540.000	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		48.115.866.896	115.225.431.123
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		15.225.132.340	76.893.904.172
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		32.890.734.556	38.331.526.951
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.356.262.014	3.225.471.993
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.703.359.358.172	1.551.753.050.673

Phê duyệt, ngày 26 tháng 08 năm 2026

**Đinh Thị Tuyết Nhung**
Người lập biểu**Cao Thị Hà**
Kế toán trưởng**Nguyễn Văn Đức**
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	437.884.270.175	1.093.661.148.412
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		437.884.270.175	1.093.661.148.412
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	331.891.690.084	1.034.789.380.939
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		105.992.580.091	58.871.767.473
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	13.221.571.888	557.086.083
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	22.345.361.679	11.866.492.080
Trong đó: chi phí đi vay	24		20.180.325.287	8.261.878.428
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	15.439.100.439	10.442.462.788
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	40.593.226.931	17.596.744.329
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.836.462.930	19.523.154.359
13. Thu nhập khác	31	VI.7	1.620.947.644	1.298.452.382
14. Chi phí khác	32	VI.8	2.035.295.823	1.412.930.333
15. Lợi nhuận khác	40		(414.348.179)	(114.477.951)
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.422.114.751	19.408.676.408
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	7.511.884.126	3.805.466.906
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(110.535.169)	24.482.763
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33.020.765.794	15.578.726.739
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		32.890.734.556	15.574.918.486
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		130.031.238	3.808.253
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	658	312
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	658	312

Phê duyệt, ngày 26 tháng 08 năm 2026


Đinh Thị Tuyết Nhung
Người lập biểu
Cao Thị Hà
Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.422.114.751	19.408.676.408
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		16.645.875.622	8.189.144.137
- Các khoản dự phòng	03		2.052.222.581	(149.470.012)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(324.935.135)	2.436.376.932
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(7.381.368.601)	(307.394.648)
- Chi phí đi vay	06		20.180.325.287	8.261.878.428
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		71.594.234.505	37.839.211.245
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		23.415.358.886	(173.538.412.400)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(73.581.879.065)	8.385.263.830
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		66.084.798.124	206.976.154.970
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(56.501.507.315)	(1.901.904.675)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(19.803.476.204)	(8.471.068.557)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.743.785.182)	(7.177.801.365)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.536.256.251)	62.111.443.048
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(229.599.921.679)	(112.972.344.439)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		629.508.000	20.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(96.278.000.000)	(88.404.496.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		48.206.000.000	49.106.496.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.574.921.523	875.855.301
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(274.467.492.156)	(131.394.489.138)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		472.979.467.574	243.078.503.790
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(204.015.400.728)	(138.332.706.618)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(4.889.287.012)	(1.503.193.383)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		264.074.779.834	103.242.603.789
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(11.928.968.573)	33.959.557.699
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	36.817.768.181	38.578.300.533
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.469.757	1.757.000
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	24.895.269.365	72.539.615.232



Đinh Thị Tuyết Nhung
Người lập biểu



Cao Thị Hà
Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 26 tháng 08 năm 2026



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313140100 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2015. Trong quá trình hoạt động, công ty đã 15 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về tên công ty, địa chỉ, chủ sở hữu và vốn điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 số 0313140100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 07 năm 2026 về tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15: 599.999.170.000 VND

Trụ sở chính

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.3811.0480

Mã số thuế: 0313140100

2. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

3. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ và sản xuất.

4. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:

- Thương mại nông sản;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại./.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

6. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:** Không có.

7. Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty con cấp 1:**

<i>Tên công ty (*)</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	Lô E9, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Ocoba	Tầng 7 tòa nhà Vista Tower, Số 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	99,90%	99,90%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Công ty con cấp 2:****Tên công ty (*)****Địa chỉ trụ sở chính****Hoạt động
chính****Tỷ lệ
quyền
biểu quyết****Tỷ lệ
lợi ích**Công ty Cổ phần
thương mại Stemkos
Việt NamTầng 7, văn phòng cho thuê – khối
thương mại, Tòa nhà Vista Tower, 628C
đường Võ Nguyên Giáp, Phường An
Khánh, Thành phố Hồ Chí MinhSản xuất
điện

99,99%

99,99%

Công ty Cổ phần Năng
Lượng Sạch Siba Cư JútThôn Ba Tầng, Xã Đắc Wil, Tỉnh Lâm
Đông, Việt NamSản xuất
điện

51,00%

51,00%

(*) Các công ty hiện hoạt động bình thường trong lĩnh vực năng lượng mặt trời

8. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC hợp nhất giữa niên độ:** Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 01/01/2026, do vậy số liệu BCTC hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

9. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 453 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 302 nhân viên)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 27/10/2025 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con. Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng tại Tổng Công ty thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ được điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc hợp nhất báo cáo.

Số dư các tài khoản trong bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá trị hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua..

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái để ghi sổ kế toán cho các giao dịch kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ:

- Khi mua, bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi); Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình hoặc tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch:

a) Trường hợp doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ nhưng trong hợp đồng không quy định tỷ giá hối đoái cụ thể, doanh nghiệp sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế để ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ cho từng trường hợp như sau:

+ Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Hợp nhất trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước tiền của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu, thu nhập).

+ Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Hợp nhất trường hợp phân bổ khoản chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phân bổ chi phí).

+ Các tài khoản phản ánh tài sản. Hợp nhất trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận tài sản).

+ Bên Nợ các Tài khoản vốn bằng tiền hoặc các tài sản khác; Bên Nợ các Tài khoản phải thu; Bên Nợ các Tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả trước tiền cho người bán.

+ Bên Có các TK phải trả; Bên Có các Tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua;

+ Các tài khoản loại vốn chủ sở hữu;

b) Trường hợp doanh nghiệp sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ ra đồng tiền ghi sổ kế toán thì doanh nghiệp được sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế đó để hạch toán cho cả bên Nợ và bên Có của Tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

- Áp dụng tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Căn cứ vào đặc điểm và yêu cầu quản lý của đơn vị, các doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng tỷ giá ghi sổ để ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ cho từng khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sau đây:

+ Bên Có các Tài khoản vốn bằng tiền hoặc các tài sản khác;

+ Bên Có các Tài khoản phải thu (ngoại trừ giao dịch nhận trước tiền của người mua);

+ Bên Nợ Tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các Tài khoản ký quỹ, ký cược, chi phí chờ phân bổ;

+ Bên Nợ các Tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có Tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán khi nhận được sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

- Xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ

Công ty áp dụng tỷ giá hối đoái để hạch toán các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

- Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty thực hiện đánh giá lại số dư tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Hợp nhất số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, Công ty thực hiện đánh giá lại số dư tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Công ty không thực hiện đánh giá lại đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Tất cả chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ đều được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ phải trình bày vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuận giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, ... giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc được xác định theo giá trị thực tế của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản cho vay được ghi nhận là số hiện có của các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư vào đơn vị khác;

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 35
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định thuê tài chính	Số năm
Máy móc thiết bị	04 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 15

10. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Các chi phí chờ phân bổ chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Tiền thuê đất khu Công nghiệp

Tiền thuê đất khu Công nghiệp phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 50 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí chờ phân bổ khác

Chi phí chờ phân bổ khác phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành được ước tính theo tỷ lệ 5% giá trị quyết toán của các công trình, căn cứ cam kết trong hợp đồng. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán được xác lập.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện:

- Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công Nghệ cao Siba (công ty mẹ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Dự án đầu tư Nhà máy Hồ Chí Minh của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2026 đến năm 2035), miễn thuế 02 năm (từ năm 2026 đến năm 2027) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 và Thông tư 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2026 của Bộ Tài chính.

Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu (công ty con) được Miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp và Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm 2020 đối với thu nhập từ đầu tư dự án điện mặt trời. Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%. Theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP, Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu (công ty con) được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng đối với doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ tính thuế năm 2020 và 2021.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ocoba (Công ty con) là doanh nghiệp mới thành lập nên hưởng chính sách thuế ưu đãi: Miễn giảm thuế TNDN trong 03 năm đầu.

Các hoạt động khác và các Công ty con khác có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

20. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	5.395.795.957	6.341.454.759
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (1)	19.499.473.408	30.476.313.422
Cộng	24.895.269.365	36.817.768.181

(1) Chi tiết các khoản tiền gửi không kỳ hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	2.035.987.749	880.547.272
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	4.732.825.318	4.734.840.478
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	9.792.221.117	7.321.102.638
Các ngân hàng khác	2.938.439.224	17.539.823.034
Cộng	19.499.473.408	30.476.313.422

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Tiền lãi	Giá gốc	Tiền lãi
Ngắn hạn	277.152.370.000	6.799.382.395	229.080.370.000	1.992.935.317
Tiền gửi có kỳ hạn (2)	167.152.370.000	2.937.902.943	155.080.370.000	1.895.620.249
Cho vay (3)	110.000.000.000	3.861.479.452	74.000.000.000	97.315.068
Cộng	277.152.370.000	6.799.382.395	229.080.370.000	1.992.935.317

(2) Là khoản tiền gửi ngân hàng để đảm bảo thực hiện hợp đồng các công trình xây lắp cho các khách hàng như sau:

+ Các sổ tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có số dư là: 79.120.000.000 VND. Lãi suất dao động từ 4,2%/năm đến 5,0%/năm.

+ Các sổ tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam có số dư là: 1.321.000.000 VND. Lãi suất là 5,1%/năm.

+ Các sổ tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai có số dư là: 39.500.000.000 VND. Lãi suất dao động từ 4,5%/năm đến 5,8%/năm.

+ Các sổ tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Shinhan Việt Nam có số dư là: 15.188.000.000 VND. Lãi suất dao động từ 4,12%/năm đến 6,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- + Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Woori Việt Nam có số dư là: 15.025.000.000 VND. Lãi suất dao động từ 3,9%/năm đến 5,0%/năm.
- + Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 có số dư là: 1.540.000.000 VND. Lãi suất là 5,5%/năm.
- + Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Standard Chartered Việt Nam có số dư là: 14.215.000.000 VND. Lãi suất dao động từ 5,3%/năm đến 5,55%/năm.

- Thuộc sở hữu của Công ty TNHH Năng lượng Sạch Vmeco Bạc Liêu:

- + Là các khoản tiền gửi online tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 1.243.370.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 4.12% - 4.6%/năm.

Các khoản tiền gửi đang được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng trên.

(3) Là các khoản cho vay sau:

- Cho Công ty Cổ phần Nông sản Sông Lam vay theo hợp đồng vay số 01102025/SL-SIBA ngày 01/10/2025 với số tiền 74.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay là 12 tháng tính từ ngày cho vay, phương thức vay chuyển đổi món thanh toán trước thành món vay. Lãi suất 8%/năm
- Cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Phi vay theo hợp đồng vay số 17032026/VP-SIBA ngày 17/03/2026 với số tiền 36.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay là 06 tháng tính từ ngày cho vay, phương thức vay chuyển tiền vào tài khoản Bên vay. Lãi suất 8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu của khách hàng****a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>168.954.129.724</i>	<i>173.544.815.958</i>
Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	146.231.412	112.569.429
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bắc An Khánh	-	486.686.016
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Đông An Khánh	753.456.192	501.175.296
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	569.449.052	1.083.394.268
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	33.426.000	33.426.000
Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh	5.368.808.727	4.971.229.740
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	84.699.481.253	10.765.667.792
Công ty TNHH Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	4.846.673.664	10.841.263.665
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	327.141.211	485.051.317
Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 2	5.107.196.900	5.622.550.436
Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh	873.473.152	98.805.023.341
Công ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Tân Châu	3.961.904.214	3.354.076.485
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Tâm Hưng	1.447.960.482	2.864.115.686
Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Sông Hình	32.681.526.704	728.748.843
Công ty TNHH Tây An Khánh	9.412.883.471	24.513.342.000
Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi TMC	5.040.044.540	2.831.911.008
Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hòa Phát Bốn	11.249.811.342	4.335.359.556
Công ty CP Nông Nghiệp Sạch Thanh Xuân	2.428.480.120	1.209.225.080
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Vi Sinh Baf	6.181.288	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>106.945.923.459</i>	<i>70.990.410.356</i>
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Duy Phát	-	36.450.000.700
FAMSUN STORAGE ENGINEERING CO., LTD	33.797.918.450	-
HAYDEN INDUSTRIAL PRODUCTS	31.608.460.778	-
Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi Trường Lộc	12.225.549.460	-
Công ty TNHH Xây Dựng Huy Phong Phát	2.884.896.399	11.386.197.902
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	5.512.858.401	10.719.750.833
Các khách hàng khác	20.916.239.971	12.434.460.921
Cộng	<u>275.900.053.183</u>	<u>244.535.226.314</u>

b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>36.687.475.369</i>
Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Sông Hình	-	32.061.786.553
Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hòa Phát Bốn	-	4.625.688.816
Cộng	<u>-</u>	<u>36.687.475.369</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác	20.463.845.327	41.512.960.192
Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ	-	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây Dựng Alpha	-	7.474.929.567
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đại Tam Long	-	6.632.640.000
Công ty Cổ phần Xây Dựng Ánh Dương	-	5.018.184.736
Công ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Lê Gia Phúc	2.985.682.574	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Và Kỹ Thuật Môi Trường Thủy Siêu	2.041.948.404	-
Các nhà cung cấp khác	15.436.214.349	13.387.205.889
Cộng	20.463.845.327	41.512.960.192

5. Các khoản phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6.838.492.160	-	9.143.900.545	-
Tạm ứng	323.917.999	-	373.611.379	-
Ký cược, ký quỹ	185.319.500	-	77.000.000	-
Tiền thuế VAT thuê tài chính chờ phân bổ	6.086.411.182	-	8.431.633.815	-
Phải thu bồi thường	6.330.000	-	60.021.000	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	236.513.479	-	201.634.351	-
Cộng	6.838.492.160	-	9.143.900.545	-

b. Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	15.922.180.865	-	14.486.118.590	-
Ký cược, ký quỹ	15.922.180.865	-	14.486.118.590	-
Cộng	15.922.180.865	-	14.486.118.590	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

		Số cuối kỳ			Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Các tổ chức và cá nhân khác		4.137.548.241	(4.025.956.871)		948.434.234	(898.304.954)
Công ty Cổ phần Sản xuất Xây dựng Dũng Tiến và Cộng sự	Trên 03 năm	898.304.954	(898.304.954)	Trên 03 năm	898.304.954	(898.304.954)
Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đắk Lắk	Trên 03 năm	1.208.955.000	(1.208.955.000)		-	-
Công ty TNHH Thép Triệu Kim	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.298.364.834	(1.201.812.248)		-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		731.923.453	(716.884.669)		-	-
Cộng		4.137.548.241	(4.025.956.871)		948.434.234	(898.304.954)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong kỳ:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(898.304.954)	-	(898.304.954)
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.127.651.917)	-	(3.127.651.917)
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Số cuối kỳ	(4.025.956.871)	-	(4.025.956.871)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	125.024.453.421	-	71.883.295.583	-
Công cụ, dụng cụ	18.311.264.210	-	7.983.452.226	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dờ dang	54.257.127.662	-	50.970.351.245	-
Sản phẩm	15.696.171.644	-	7.906.628.148	-
Hàng hóa	6.888.770.563	(2.874.274.454)	7.852.181.233	(2.874.274.454)
Cộng	220.177.787.500	(2.874.274.454)	146.595.908.435	(2.874.274.454)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.874.274.454)	(2.874.274.454)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(2.874.274.454)	(2.874.274.454)

8. Chi phí chờ phân bổ**a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	941.430.393	1.059.888.785
Chi phí bảo hiểm	382.274.935	236.002.977
Chi phí phần mềm, thuê máy chủ	1.704.017.486	186.801.355
Chi phí thuê văn phòng	49.521.545	90.137.706
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	1.162.528.677	263.653.881
Cộng	4.239.773.036	1.836.484.704

b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	48.422.874.853	2.074.077.222
Công cụ dụng cụ	453.113.481	521.986.706
Chi phí thi công văn phòng	509.027.477	902.788.912
Chi phí sửa chữa	2.672.375.737	1.984.890.120
Chi phí trả trước dài hạn Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu	7.091.231.475	-
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	716.533.898	283.194.977
Cộng	59.865.156.920	5.766.937.937

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	55.716.664.542	149.292.101.248	6.932.757.607	1.021.225.455	212.962.748.852
Mua trong kỳ	-	1.616.030.346	702.054.545	372.400.000	2.690.484.891
Đầu tư XD/CB hoàn thành	184.456.958.134	251.529.246.232	4.360.389.802	421.303.730	440.767.897.898
Thanh lý, nhượng bán	-	(837.600.000)	-	-	(837.600.000)
Số cuối kỳ	240.173.622.676	401.599.777.826	11.995.201.954	1.814.929.185	655.583.531.641
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	464.835.000	-	246.548.182	711.383.182
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.156.951.545	39.303.221.413	3.089.365.600	381.645.608	50.931.184.166
Khấu hao trong kỳ	2.111.570.007	9.174.682.603	538.822.153	94.578.771	11.919.653.534
Số cuối kỳ	10.268.521.552	48.477.904.016	3.628.187.753	476.224.379	62.850.837.700
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	47.559.712.997	109.988.879.835	3.843.392.007	639.579.847	162.031.564.686
Số cuối kỳ	229.905.101.124	353.121.873.810	8.367.014.201	1.338.704.806	592.732.693.941

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 193.608.490.262 VNĐ và giá trị còn lại 145.697.762.317 VNĐ được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	62.120.513.870	2.143.677.766	64.264.191.636
Thuê tài chính trong kỳ	25.626.277.684	5.028.788.452	30.655.066.136
Số cuối kỳ	87.746.791.554	7.172.466.218	94.919.257.772
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.306.022.763	492.242.417	2.798.265.180
Khấu hao trong kỳ	3.080.271.315	358.228.018	3.438.499.333
Số cuối kỳ	5.386.294.078	850.470.435	6.236.764.513
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	59.814.491.107	1.651.435.349	61.465.926.456
Số cuối kỳ	82.360.497.476	6.321.995.783	88.682.493.259

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	11.674.742.000	(2.918.685.500)	8.756.056.500
Khấu hao trong kỳ	-	(583.737.100)	(583.737.100)
Số cuối kỳ	11.674.742.000	(3.502.422.600)	8.172.319.400

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí chờ phân bổ và chi phí SXKD	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	2.691.299.000	(960.600.000)	-	1.730.699.000
Xây dựng cơ bản dở dang	507.581.461.560	46.485.439.000	(439.807.297.898)	(54.382.166.988)	59.877.435.674
Công trình: "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" (*)	498.387.243.492	43.870.111.355	(433.931.251.144)	(54.382.166.988)	53.943.936.715
Hệ thống điện mặt trời áp mái tại Công ty Vmecco Bạc Liêu	9.194.218.068	2.615.327.645	(5.876.046.754)	-	5.933.498.959
Cộng	507.581.461.560	49.176.738.000	(440.767.897.898)	(54.382.166.988)	61.608.134.674

(*) Là chi phí xây dựng dự án " Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8353128311 ngày 01/03/2022 của Ban quản lý các khu công nghệ Bà Rịa-Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02 ngày 28/05/2025. Dự án đã đưa vào vận hành vào tháng 05/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	239.917.700.422	358.146.707.508
Jiangsu Huali	-	16.053.034.286
Bd Agriculture (Malaysia)	-	5.137.817.568
Công ty TNHH Minh Lan	17.824.787.003	10.989.416.817
Big Herdsman Machinery	3.723.216.666	29.089.637.057
Công ty Cổ phần Thương Mại Lê Gia Phúc	-	25.832.310.234
Savagnini Italia S.P.A	6.011.615.989	145.382.719.069
Công ty Cổ phần Kỹ thuật First Green	265.736.709	12.974.448.037
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Alpha	51.508.697.241	-
Các nhà cung cấp khác	160.583.646.814	112.687.324.440
Cộng	239.917.700.422	358.146.707.508

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	2.587.224.242	257.118.764
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh I	427.413.164	257.118.764
Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh	2.159.811.078	-
Trả trước của các khách hàng khác	8.568.452.751	8.563.228.780
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Chăn Nuôi Thiên Phú	8.085.729.800	8.085.729.800
Các khách hàng khác	482.722.951	477.498.980
Cộng	11.155.676.993	8.820.347.544

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.948.472.628	(1.948.472.628)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.356.590.272	(1.356.590.272)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	992.154	(992.154)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.932.370.946	7.511.884.126	(12.743.785.182)	3.700.469.890
Thuế thu nhập cá nhân	246.547.504	398.558.345	(503.295.941)	141.809.908
Các loại thuế khác	-	1.882.160.067	(1.882.160.067)	-
Cộng	9.178.918.450	13.098.657.592	(18.435.296.244)	3.842.279.798

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình như sau:

Nông sản Không chịu thuế

Khung chuồng heo, máy móc và thiết bị chăn nuôi (thông gió, 8%; 10%

máy phát điện, máy nghiền xác heo nhập khẩu và bán). Các

dịch vụ, hàng hóa khác

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Dự án đầu tư Nhà máy Hồ Chí Minh của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2026 đến năm 2035), miễn thuế 02 năm (từ năm 2026 đến năm 2027) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 và Thông tư 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2026 của Bộ Tài chính.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	21.294.575.161	74.014.009.397
Chi phí đi vay phải trả	1.068.993.303	692.144.220
Chi phí phải trả các công trình	20.225.581.858	73.321.865.177
Cộng	21.294.575.161	74.014.009.397

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	163.066.276	3.309.336
Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hình - Thu hộ	2.327.400	3.309.336
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam - Thu hộ	160.738.876	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	6.359.592.838	6.258.135.978
Kinh phí công đoàn	57.256.397	128.119.199
Bảo hiểm xã hội	602.678.230	4.557.105
Bảo hiểm y tế	106.237.890	675.000
Bảo hiểm thất nghiệp	47.266.920	357.420
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.546.153.401	6.124.427.254
Cộng	6.522.659.114	6.261.445.314

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	251.129.457.722	251.129.457.722	180.668.360.786	180.668.360.786
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (1)	-	-	793.775.376	793.775.376
Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai	-	-	5.844.879.658	5.844.879.658
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	134.144.547.505	134.144.547.505	105.462.315.595	105.462.315.595
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (3)	49.945.533.208	49.945.533.208	49.048.895.063	49.048.895.063
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (4)	34.997.308.391	34.997.308.391	19.518.495.094	19.518.495.094
Ngân hàng TNHH Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (5)	28.246.462.750	28.246.462.750	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 (6)	3.795.605.868	3.795.605.868	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	22.719.931.244	22.719.931.244	21.951.434.717	21.951.434.717
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên (7)	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên - Vmeco Bạc Liêu (9)	555.464.000	555.464.000	555.464.000	555.464.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh - Vmeco Bạc Liêu (10)	1.909.163.244	1.909.163.244	1.140.666.717	1.140.666.717
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	12.443.291.232	12.443.291.232	7.568.030.328	7.568.030.328
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (11)	171.449.604	171.449.604	171.449.604	171.449.604
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (12)	2.255.290.884	2.255.290.884	705.426.912	705.426.912
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Vmeco Bạc Liêu (13)	9.058.743.336	9.058.743.336	5.819.953.812	5.819.953.812
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam - Siba Cu-Jút (14)	957.807.408	957.807.408	871.200.000	871.200.000
Cộng	286.292.680.198	286.292.680.198	210.187.825.831	210.187.825.831

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số TBN2022530494 ngày 15/06/2022 và Phụ lục số TBN2022530494/HĐCTD/PL4649505 ngày 17/06/2026. Hạn mức cấp tín dụng là 150.000.000.000 VNĐ, thời gian 12 tháng đến ngày 17/06/2027. Mục đích sử dụng là để bổ sung vốn lưu động, lãi suất được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1230/2026/6965706/HĐTD ngày 02/06/2026. Hạn mức cho vay tối đa là 200.000.000.000 VNĐ trong đó đã bao gồm dư nợ vay ngắn hạn của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2041/2025/6965706/HĐTD ngày 09/06/2025. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/05/2027. Mục đích sử dụng là cho vay, phát hành bảo lãnh, bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Hàng tồn kho, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp ngày 03/11/2023 và các hợp đồng tiền gửi.

(3) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 130005547102 ngày 10/03/2025 và hợp đồng gia hạn – sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 130005547102-1 ngày 26/03/2026 với hạn mức tín dụng tối đa là 50.000.000.000 VNĐ. Thời hạn duy trì hạn mức gia hạn đến ngày 09/03/2027. Mục đích bổ sung vốn lưu động; các khoản vay không quá 06 tháng; lãi suất theo từng lần giải ngân, lãi suất giao động từ 6,1%/năm đến 8,56%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(4) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng cho vay hạn mức số VN125009873/WBVN201 ký ngày 25/09/2025 với hạn mức cho vay tối đa là 35.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cho vay 01 năm kể từ ngày 25/09/2025. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Lãi vay được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ, Lãi suất giao động từ 5,905 %/năm đến 7,5%/ năm.

(5) Khoản vay Ngân hàng TNHH Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh theo thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/26-10 ngày 09/02/2026 với hạn mức tín dụng tối đa là 150.000.000.000 VNĐ. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Mục đích: tài trợ thanh toán cho các hàng hóa mà Bên vay đã mua từ bên bán của mình, được chứng minh bằng hóa đơn của bên bán cho Bên vay liên quan đến hoạt động kinh doanh cơ khí và xây dựng. Lãi vay được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ, Lãi suất giao động từ 6,95%/năm đến 7,45%/ năm

(6) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 365034.25.103.14278595.TD ngày 07/01/2026 và Văn bản nhận nợ ngày 09/01/2026. Giá trị cấp hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VNĐ. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày ký kết hợp đồng đến ngày 15/12/2026. Mục đích: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp, cơ khí của Khách hàng. Lãi suất được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ, lãi suất là 6,8%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	180.668.360.786	263.690.891.425	-	(193.229.794.489)	251.129.457.722
Vay dài hạn đến hạn trả	21.951.434.717	-	11.554.102.766	(10.785.606.239)	22.719.931.244
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	7.568.030.328	-	8.090.340.334	(3.215.079.430)	12.443.291.232
Cộng	210.187.825.831	263.690.891.425	19.644.443.100	(207.230.480.158)	286.292.680.198

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	404.194.586.604	404.194.586.604	206.460.113.221	206.460.113.221
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Thủyên (7)	5.226.671.755	5.226.671.755	15.354.323.755	15.354.323.755
Ngân hàng Thương mại TNHH Esun – Chi nhánh Đồng Nai (8)	386.814.233.759	386.814.233.759	180.000.000.000	180.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Thủyên - Vmeco Bạc Liêu (9)	2.082.946.000	2.082.946.000	2.360.678.000	2.360.678.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh - Vmeco Bạc Liêu (10)	10.070.735.090	10.070.735.090	8.745.111.466	8.745.111.466
Nợ thuê tài chính	57.613.428.254	57.613.428.254	37.784.609.877	37.784.609.877
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (11)	85.724.782	85.724.782	171.449.584	171.449.584
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (12)	6.071.759.799	6.071.759.799	1.904.036.737	1.904.036.737
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam - VMECO Bạc Liêu (13)	46.267.820.217	46.267.820.217	30.554.757.409	30.554.757.409
Công ty Cho thuê Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Siba Cư Jút (14)	5.188.123.456	5.188.123.456	5.154.366.147	5.154.366.147
Cộng	461.808.014.858	461.808.014.858	244.244.723.098	244.244.723.098

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(7) Là khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba theo hợp đồng số 0006/2020/HĐTDTDH-PN/SHB.111500 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh Hàn Thuyên. Số tiền cho vay: 147.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay, mở L/C nhập khẩu Máy móc thiết bị (MMTB), bảo lãnh phục vụ đầu tư dự án: “Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao” tại Khu công nghiệp Trà Kha, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ, lãi suất giao động từ 10,6%/năm đến 14,0%/năm.

(8) Là khoản vay do 4 ngân hàng hợp vốn gồm Ngân hàng Thương mại TNHH Esun – CN Đồng Nai, Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, LTD – CN TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Mega International Commercial Bank, LTD – CN TP Hồ Chí Minh và Ngân hàng The Shanghai Commercial Savings bank, LTD – CN Đồng Nai ký ngày 21 tháng 02 năm 2025. Số tiền cho vay: 400.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bốn trăm tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Cấp vốn các chi phí xây dựng tài sản gắn liền với khu đất, chi phí mua sắm máy móc thiết bị, phát hành L/C nhập khẩu máy móc thiết bị của dự án: “Nhà máy cơ khí công nghiệp cao Bà Rịa Vũng Tàu” tại Lô 28, Khu công nghiệp Châu Đức, thôn Trung Nghĩa, xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Thời gian vay là 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ, lãi suất là 7,7%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn là 10% giá trị mỗi lần giải ngân, 11% nếu giải ngân bằng ngoại tệ.

(9) Là khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Bạc Liêu theo Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 0028/2021/HĐTDTDH- PN/SHB.111500 ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên, số tiền vay là 9.950.000.000 VNĐ, mục đích vay thực hiện dự án “Đầu tư khai thác điện mặt trời mái nhà VMECO Bạc Liêu 1” tại Khu công nghiệp Trà Kha, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân vốn lần đầu tiên, lãi suất quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ, lãi suất 10,8%/năm.

(10) Là khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Bạc Liêu theo Hợp đồng tín dụng số SHBVN/HCMC/2025/VMECO/HĐTD ngày 23/06/2025 tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh. Số tiền vay: 35.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Tài trợ dự án lắp đặt hệ thống điện mái tại 05 trang trại của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Tây Ninh với công suất mỗi dự án là 800KWp. Thời gian vay là 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ.

(11) Là khoản nợ thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế CHAILEASE theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số B221118401 ngày 14/11/2022 cho tài sản: Ô tô tải (có mui) hiệu Hyundai; Thời hạn thuê 60 tháng, dự kiến bắt đầu thuê từ ngày 29/11/2022, giá trị thuê 484.000.000 VNĐ. Lãi suất thuê ban đầu là 13,38% cho thời hạn tính lãi là 365 ngày và 13,2% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày, sau đó sẽ thả nổi và được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 6,2%. Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 60 kỳ.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số B220947802 ngày 30/11/2022 cho tài sản: Máy hàn Laser hiệu WELDCOM, Model: LW1500M; Thời hạn thuê 60 tháng, dự kiến bắt đầu thuê từ ngày 14/12/2022, giá trị thuê 373.248.000 VNĐ. Lãi suất thuê ban đầu là 13,38% cho thời hạn tính lãi là 365 ngày và 13,2% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày, sau đó sẽ thả nổi và được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 6,2%. Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 60 kỳ.

(12) Là khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 2024-00310-000 ngày 27/12/2024 cho tài sản: Xe nâng dầu hiệu Mitsubishi, Model: FD30NT, năm sản xuất 2024, xuất xứ tại Nhật Bản; Thời hạn thuê 49 tháng, giá trị thuê 94.050.000 VNĐ. Lãi suất thuê là 6,63%, trong đó: lãi suất cơ bản là 5,03% và lãi suất chỉ định

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

là: 6%. (Lãi suất chỉ định là cố định và không thay đổi trong suốt thời hạn thuê trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên). Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 48 kỳ.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 2025-00151-000 ngày 27/06/2025 cho tài sản: Máy cắt laser sợi quang hai bản chuyển đổi có hộp bảo vệ hiệu ILM Laser, Model: ILK-3015EXC, năm sản xuất 2025, xuất xứ tại Trung Quốc; Thời hạn thuê 49 tháng, giá trị thuê 113.925.000 VNĐ. Lãi suất thuê là 6,63%, trong đó: lãi suất cơ bản là 5,03% và lãi suất chỉ định là 1,6%. (Lãi suất chỉ định là cố định và không thay đổi trong suốt thời hạn thuê trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên). Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 48 kỳ.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 2026-00082-000 ngày 19/05/2026 cho tài sản: Máy hàn điểm, nhãn hiệu, NVD, Model: DB-130W, chưa qua sử dụng, năm sản xuất: 2026, xuất xứ: Trung Quốc và Máy ép ốc vít thủy lực, nhãn hiệu: Haeger, model: 6618Pro, chưa qua sử dụng, năm sản xuất: 2026, xuất xứ: Trung Quốc. Thời hạn thuê 49 tháng, giá trị thuê 910.816.233 VNĐ. Lãi suất thuê là 7,73%, trong đó: lãi suất cơ bản là 6,5% và lãi suất chỉ định là 1,23%. (Lãi suất chỉ định là cố định và không thay đổi trong suốt thời hạn thuê trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên). Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 48 kỳ.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 2026-00083-000 ngày 20/05/2026 cho tài sản: Ô tô tải thùng mui bạt, nhãn hiệu: Hino, model: FL8JW8A-XHV/TRUONGLONG-MB01C, mới 100%, lắp ráp tại Việt Nam năm 2025. Thời hạn thuê 49 tháng, giá trị thuê 2.144.386.628 VNĐ. Lãi suất thuê là 7,73%, trong đó: lãi suất cơ bản là 6,5% và lãi suất chỉ định là 1,23%. (Lãi suất chỉ định là cố định và không thay đổi trong suốt thời hạn thuê trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên). Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 48 kỳ.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 2026-00084-000 ngày 15/05/2026 cho tài sản: Ô tô tải thùng mui bạt, nhãn hiệu: Hino, model: FL8JW8A-XHV/TKI-TC2036 có gắn cầu DONGYANG SS2036, mới 100%, lắp ráp tại Việt Nam năm 2025-2026. Thời hạn thuê 49 tháng, giá trị thuê 3.281.802.960 VNĐ. Lãi suất thuê là 7,73%, trong đó: lãi suất cơ bản là 6,5% và lãi suất chỉ định là 1,23%. (Lãi suất chỉ định là cố định và không thay đổi trong suốt thời hạn thuê trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên). Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 48 kỳ.

(13) Là khoản nợ thuê tài chính ba bên giữa Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Bạc Liêu với Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 2024-00244-000 ngày 30/10/2024 và phụ lục 2 ngày 09/01/2025 cho tài sản: Hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà 1,6MW tại Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh: Thửa đất số 5, 6, 7, 8 tờ bản đồ 109, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Thời hạn thuê 89 tháng, bắt đầu thuê từ ngày 27/03/2025, giá trị thuê 19.412.591.307 VNĐ. Lãi suất thuê là 7,1%, trong đó: lãi suất cơ bản là 5,0% và lãi suất chỉ định là 2,1%. (Lãi suất chỉ định là cố định và không thay đổi trong suốt thời hạn thuê trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên). Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 84 kỳ.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 2024-00245-000 ngày 30/10/2024 và phụ lục 2 ngày 09/01/2025 cho tài sản: Hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà 0,8MW tại Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh: Thửa đất số 5, 6, 7, 8 tờ bản đồ 109, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Thời hạn thuê 89 tháng, bắt đầu thuê từ ngày 27/03/2025, giá trị thuê 9.708.329.416 VNĐ. Lãi suất thuê là 7,1%, trong đó: lãi suất cơ bản là 5,0% và lãi suất chỉ định là 2,1%. (Lãi suất chỉ định là cố định và không thay đổi trong suốt thời hạn thuê trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên). Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 84 kỳ.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 2024-00246-000 ngày 30/10/2024 và phụ lục 2 ngày 09/01/2025 cho tài sản: Hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà 0,8MW tại Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1: Ấp Hòa Đông A, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Thời hạn thuê 89 tháng, bắt đầu thuê từ ngày 27/03/2025, giá trị thuê 9.709.620.731 VNĐ. Lãi suất thuê là 7,1%, trong đó: lãi suất cơ bản là 5,0% và lãi suất chỉ định là 2,1%. (Lãi suất chỉ định là cố định và không thay đổi trong suốt thời hạn thuê trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên). Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 84 kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 2024-00247-000 ngày 30/10/2024 và phụ lục 2 ngày 09/01/2025 cho tài sản: Hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà 0,8MW tại Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh: Ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Thời hạn thuê 89 tháng, bắt đầu thuê từ ngày 27/03/2025, giá trị thuê 9.708.735.246 VNĐ. Lãi suất thuê là 7,1%, trong đó: lãi suất cơ bản là 5,0% và lãi suất chỉ định là 2,1%. (Lãi suất chỉ định là cố định và không thay đổi trong suốt thời hạn thuê trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên). Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 84 kỳ.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 2025-00154-000 ngày 12/08/2025 và thông báo giá mua số 2025-00154-001 ngày 24/03/2026 cho tài sản: Hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà 0.8MW, mới 100%, lắp ráp tại Việt Nam năm 2025 tại Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch vụ Đồng An Khánh: Ấp 4, xã Tân Thành, tỉnh Tây Ninh. Thời hạn thuê 90 tháng, bắt đầu thuê từ ngày 24/03/2026, giá trị thuê 9.018.119.040 VNĐ. Lãi suất thuê là 7,1%, trong đó: lãi suất cơ bản là 5,0% và lãi suất chỉ định là 2,1%. (Lãi suất chỉ định là cố định và không thay đổi trong suốt thời hạn thuê trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên). Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 84 kỳ.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 2025-00157-000 ngày 14/08/2025 và thông báo giá mua số 2025-00157-001 ngày 24/03/2026 cho tài sản: Hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà 0.8MW, mới 100%, lắp ráp tại Việt Nam năm 2025 tại Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch vụ Tâm Hưng: Ấp Tân Cường, xã Tân Đông, tỉnh Tây Ninh. Thời hạn thuê 90 tháng, bắt đầu thuê từ ngày 24/03/2026, giá trị thuê 8.875.567.649 VNĐ. Lãi suất thuê là 7,1%, trong đó: lãi suất cơ bản là 5,0% và lãi suất chỉ định là 2,1%. (Lãi suất chỉ định là cố định và không thay đổi trong suốt thời hạn thuê trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên). Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 84 kỳ.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 2025-00158-000 ngày 14/08/2025 và thông báo giá mua số 2025-00158-001 ngày 24/03/2026 cho tài sản: Hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà 0.8MW, mới 100%, lắp ráp tại Việt Nam năm 2025 tại Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp Tân Châu: Tổ 6, Ấp 4 xã Tân Hòa, tỉnh Tây Ninh. Thời hạn thuê 90 tháng, bắt đầu thuê từ ngày 24/03/2026, giá trị thuê 8.851.029.930 VNĐ. Lãi suất thuê là 7,1%, trong đó: lãi suất cơ bản là 5,0% và lãi suất chỉ định là 2,1%. (Lãi suất chỉ định là cố định và không thay đổi trong suốt thời hạn thuê trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên). Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 84 kỳ.

(14) Là khoản nợ thuê tài chính giữa Công ty Cổ phần Năng lượng Sạch Siba Cư Jút với Công ty Cho thuê Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 87/2025/CN.MN-CTTC ngày 11/11/2025 với tài sản thuê là:

+ Hệ thống điện mặt trời mái nhà trang trại Cư Jút 1: Công suất: 634,68 kWp; năm lắp đặt: 2025, tài sản mới 100% với giá trị tài sản thuê là 6.410.115.117 VNĐ. Giá bán lại tài sản là: 19.231.000 VNĐ

+ Hệ thống điện mặt trời mái nhà trang trại Cư Jút 2: Công suất: 501,84 kWp; năm lắp đặt: 2025, tài sản mới 100% với giá trị tài sản thuê là 6.089.166.147 VNĐ. Giá bán lại tài sản là: 15.860.000 VNĐ

Giá trị thuê là 6.098.166.147 VNĐ. Lãi suất áp dụng 12 tháng đầu tiên là 7,5%/năm, sau thời hạn này lãi suất thả nổi với biên độ 2,8%/năm. Thời hạn cho thuê là 84 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang	Số cuối kỳ
				vay và nợ ngắn hạn	
Vay dài hạn ngân hàng	206.460.113.221	209.288.576.149	-	(11.554.102.766)	404.194.586.604
Nợ thuê tài chính	37.784.609.877	29.593.366.293	(1.674.207.582)	(8.090.340.334)	57.613.428.254
Cộng	244.244.723.098	238.881.942.442	(1.674.207.582)	(19.644.443.100)	461.808.014.858

19. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Số sử dụng trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	14.871.265.097	-	(91.494.259)	(983.935.077)	13.795.835.761
Cộng	14.871.265.097	-	(91.494.259)	(983.935.077)	13.795.835.761

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	499.999.630.000	(221.900.000)	-	76.893.904.172	753.127	576.672.387.299
Phân vốn của Cổ đồng thiếu số	-	-	-	-	2.952.000.000	2.952.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	38.331.526.951	272.718.866	38.604.245.817
Số dư cuối năm trước	499.999.630.000	(221.900.000)	-	115.225.431.123	3.225.471.993	618.228.633.116
Số dư đầu năm nay	499.999.630.000	(221.900.000)	-	115.225.431.123	3.225.471.993	618.228.633.116
Thay đổi do thay đổi tỷ lệ sở hữu ở công ty con	-	-	-	(758.783)	758.783	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	32.890.734.556	130.031.238	33.020.765.794
Tăng vốn từ lợi nhuận (*)	-	-	99.999.540.000	(99.999.540.000)	-	-
Số dư cuối năm kỳ này	499.999.630.000	(221.900.000)	99.999.540.000	48.115.866.896	3.356.262.014	651.249.398.910

(*) Theo Nghị quyết số 0607-01/2026/NQ-HDQT ban hành ngày 06/07/2026

- Thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với số cổ phiếu phân phối cho cổ đồng theo tỷ lệ là: 9.999.954 cổ phiếu cho 350 cổ đồng, ngày kết thúc phát hành là 26/06/2026.

- Thông qua việc đăng ký tăng vốn điều lệ của công ty từ 499.999.630.000 VND lên 599.999.170.000 VND.

Đến ngày 17/07/2026 đơn vị đã hoàn tất thủ tục thay đổi đăng kí kinh doanh lần thứ 15 với vốn điều lệ là 599.999.170.000 VND.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30/06/2026:

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Siba Holdings	222.881.000.000	44,58%	278.000.000.000	55,60%
Ông Nguyễn Văn Đức	23.154.500.000	4,63%	23.151.370.000	4,63%
Các đối tượng khác	253.964.130.000	50,79%	198.848.260.000	39,77%
Cộng	499.999.630.000	100%	499.999.630.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.999.963	49.999.963
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.999.963	49.999.963
- Cổ phiếu phổ thông	49.999.963	49.999.963
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.999.963	49.999.963
- Cổ phiếu phổ thông	49.999.963	49.999.963
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	352.963,65	821,35

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	-	814.673.410.100
Doanh thu thương mại, dịch vụ	842.927.322	7.466.535.906
Doanh thu xây lắp	427.448.499.038	269.474.666.510
Doanh thu bán điện	9.592.843.815	2.046.535.896
Cộng	437.884.270.175	1.093.661.148.412

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	230.596.085.771	14.714.054.764
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	188.008.800	889.831.400
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh	5.703.503.166	22.041.337.577
Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh	8.307.821.711	291.059.967
Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh I	726.385.023	1.339.704.943
Công ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Tân Châu	843.017.013	3.238.455.501
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Tâm Hưng	1.182.445.164	4.558.142.253
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Đông An Khánh	910.356.066	1.188.820.050
Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Sông Hình	17.940.534.238	41.222.124.491
Công ty TNHH Thức Ăn Chăn Nuôi Baf Tây Ninh	9.319.617.760	18.656.000
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi TMC	2.074.548.400	-
Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hòa Phát Bốn	1.851.676.500	-
Công ty Cổ phần Phát Triển Nông Nghiệp Sạch Thanh Xuân	1.109.543.000	-
Công ty TNHH Tây An Khánh	15.991.302.600	-
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Vi Sinh BAF	5.628.600	-
Cộng	296.750.473.812	89.502.186.946

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	808.317.838.370
Giá vốn thương mại, dịch vụ	1.697.381.699	3.742.783.113
Giá vốn xây lắp	326.529.340.544	221.788.814.552
Giá vốn bán điện	3.664.967.841	939.944.904
Cộng	331.891.690.084	1.034.789.380.939

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.617.204.217	307.394.648
Lãi tiền cho vay	3.764.164.384	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.515.268.152	249.691.435
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	324.935.135	-
Cộng	13.221.571.888	557.086.083

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	20.180.325.287	8.261.878.428
Lãi mua hàng trả chậm	11.400.563	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.153.635.829	1.168.236.720
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.436.376.932
Cộng	22.345.361.679	11.866.492.080

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.479.096.994	6.250.873.732
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	473.470.392	389.874.850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	199.943.453	186.916.507
Chi phí bảo hành	(553.523.313)	2.400.331.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.702.678.172	1.071.367.478
Các chi phí khác	137.434.741	143.098.501
Cộng	15.439.100.439	10.442.462.788

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.402.656.740	7.585.232.392
Chi phí vật liệu quản lý	188.736.545	145.772.266
Chi phí đồ dùng văn phòng	491.626.033	200.374.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	875.527.370	784.817.780
Thuế, phí và lệ phí	369.899.688	11.000.000
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	3.127.651.917	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.330.723.689	6.610.153.536
Lợi thế thương mại	703.985.655	703.985.655
Các chi phí khác	15.102.419.294	1.555.408.151
Cộng	40.593.226.931	17.596.744.329

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	-	3.636.364
Chiết khấu bảo hiểm	-	9.801.770
Phạt vi phạm hợp đồng	1.577.118.556	1.253.628.356
Xử lý công nợ	-	2.858.844
Thu nhập khác	43.829.088	28.527.048
Cộng	1.620.947.644	1.298.452.382

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hợp đồng	-	1.319.966.328
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.988.296.007	-
Chi phí khác	46.999.816	92.964.005
Cộng	2.035.295.823	1.412.930.333

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí Thuế TNDN tại Công ty mẹ	7.359.247.786	3.768.913.487
Chi phí Thuế TNDN tại Vmecco Bạc Liêu	152.636.340	-
Chi phí Thuế TNDN tại các công ty con khác	-	36.553.419
Cộng	7.511.884.126	3.805.466.906

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.890.734.556	15.574.918.486
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	32.890.734.556	15.574.918.486
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	49.999.963	49.999.963
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	658	312

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	49.999.963	49.999.963
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	49.999.963	49.999.963

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Chi phí theo yếu tố**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	232.075.587.670	150.865.027.096
Chi phí nhân công	33.737.597.020	30.654.857.226
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.941.889.967	6.633.187.064
Chi phí bảo hành	(553.523.313)	2.400.331.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.333.414.676	85.348.448.924
Lợi thế thương mại	703.985.655	6.373.920.580
Chi phí khác	18.761.385.692	6.373.920.580
Cộng	399.000.337.367	288.649.693.190

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bù trừ công nợ với tiền thu thanh lý Tài sản cố định	275.100.000	-
Tăng vốn từ lợi nhuận	99.999.540.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong kỳ đơn vị không phát sinh giao dịch với bên liên quan là các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan không còn số dư.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch HĐQT	97.200.000	54.000.000
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên HĐQT	97.200.000	54.000.000
Ông Trần Ngọc Long	Thành viên HĐQT	97.200.000	54.000.000
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	367.495.878	420.507.693
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	162.342.295	182.346.154
Ông Đào Đức Tuấn	Trưởng BKS	48.600.000	27.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thương	Thành viên BKS	48.600.000	27.000.000
Ông Trương Đức Nam	Thành viên BKS	48.600.000	27.000.000
Ông Nguyễn Quốc Văn	Phó Tổng Giám đốc thường trực	-	120.576.923
Bà Trần Thị Thu Thảo	Kế toán trưởng	254.649.005	181.046.154
Cộng		1.221.887.178	1.147.476.924

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**b. Giao dịch với bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Bên liên quan khác**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long

Ông Trương Sỹ Bá là chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Siba Holdings đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long

Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 2

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh

Công ty cùng Tập đoàn

Bù trừ công nợ phải thu với phải trả

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Đông An Khánh

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Tâm Hưng

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Sông Hình

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Chăn Nuôi Minh Thành

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty Cổ phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Vi Sinh Baf

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty Cổ phần Chăn Nuôi TMC

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hòa Phát Bốn

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty CP Nông Nghiệp Sạch Thanh Xuân

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty TNHH Tây An Khánh

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty Cổ phần Lương thực A An

Công ty cùng Tập đoàn

Các giao dịch phát sinh giữa công ty với các bên liên quan khác trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long		
Phải trả tiền mua hàng và dịch vụ	-	263.688.755.200
Trả tiền mua hàng và dịch vụ	111.970.215	255.825.008.050
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	241.193.198.913	15.908.627.805
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	166.861.125.978	80.922.058.477
Phải trả tiền mua hàng và dịch vụ	182.685.110	-
Trả tiền mua hàng và dịch vụ	51.561.792	-
Phải trả tiền chi hộ	558.998.350	-
Bù trừ công nợ phải thu với phải trả	398.259.474	-
Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	784.495.825	1.447.006.278
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	921.128.242	9.870.930.611
Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 2		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	812.826.412
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	515.353.536	1.738.405.812
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	203.049.504	961.017.912
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	716.994.720	4.698.031.117
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	269.929.368
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	486.686.016	1.565.966.136

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.155.568.721	23.304.209.068
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.246.929.988	58.893.408.468
Bù trừ công nợ phải thu với phải trả	-	6.774.412
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Đông An Khánh		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	983.184.552	1.253.749.654
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	730.903.656	3.041.223.334
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.968.232.749	314.344.765
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.570.653.762	2.216.936.170
Công ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Tân Châu		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	910.458.374	3.540.407.292
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	302.630.645	14.592.997.849
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Tâm Hưng		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.277.040.777	4.988.402.008
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.693.195.981	22.198.549.938
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	-	-
Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Sông Hình		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.375.776.977	43.253.695.249
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.472.752.633	47.187.078.184
Cần trừ công nợ chi hộ	12.033.036	128.333.808
Phải trả tiền chi hộ	11.051.100	204.295.284
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Chăn Nuôi Minh Thành		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	613.796.406
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	157.910.106	2.416.654.716
Công ty Cổ phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.106.301.781	20.521.600
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.100.891.782	20.521.600
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Vi Sinh Baf		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.181.288	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi TMC		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.242.607.132	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.473.600	1.473.392.100
Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hòa Phát Bốn		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.647.262.720	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.358.499.750	-
Công ty CP Nông Nghiệp Sạch Thanh Xuân		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.219.255.040	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-
Công ty TNHH Tây An Khánh		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.349.291.928	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.449.750.457	-
Công ty Cổ phần Lương thực A An		
Phải trả tiền mua hàng và cung cấp dịch vụ	43.270.400	-
Trả tiền mua hàng và cung cấp dịch vụ	43.270.400	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh V.3a, V.3b; V.14; V.17.		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin bộ phận

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- + Lĩnh vực bán hàng hóa;
- + Lĩnh vực thương mại, dịch vụ;
- + Lĩnh vực xây lắp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh điện	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	842.927.322	427.448.499.038	9.592.843.815		437.884.270.175
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận		3.092.927.989	304.707.954		3.397.635.943
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	842.927.322	430.541.427.027	9.897.551.769	(3.397.635.943)	437.884.270.175
Chi phí bộ phận	(1.697.381.699)	(329.251.886.803)	(3.787.381.688)	2.844.960.106	(331.891.690.084)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(854.454.377)	101.289.540.224	6.110.170.081	(552.675.837)	105.992.580.091
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(56.032.327.370)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					49.960.252.721
Doanh thu hoạt động tài chính					13.221.571.888
Chi phí tài chính					(22.345.361.679)
Thu nhập khác					1.620.947.644
Chi phí khác					(2.035.295.823)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(7.511.884.126)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					110.535.169
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					33.020.765.794
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	266.815.645	135.302.230.840	3.036.466.782		138.605.513.267
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn	34.509.277	17.499.656.822	392.729.125		17.926.895.224

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh điện	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	121.344.143.877	1.306.813.420.891	108.458.964.186	-	1.536.616.528.954
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					166.742.829.218
Tổng tài sản					1.703.359.358.172
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	540.347.241	703.008.141.888	76.271.933.839	-	779.820.422.968
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					272.289.536.294
Tổng nợ phải trả					1.052.109.959.262
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.187.640.229.107	102.515.751.953	-	-	1.290.155.981.060
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					261.597.069.613
Tổng tài sản					1.551.753.050.673
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	679.550.066.409	55.202.197.551	-	-	734.752.263.960
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					198.772.153.597
Tổng nợ phải trả					933.524.417.557

B, Thông tin về khu vực địa lý
Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong Hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo Hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	286.292.680.198	74.993.781.099	386.814.233.759	748.100.695.056
Phải trả người bán	239.917.700.422	-	-	239.917.700.422
Các khoản phải trả khác	35.297.771.232	13.795.835.761	-	49.093.606.993
Cộng	561.508.151.852	88.789.616.860	386.814.233.759	1.037.112.002.471
Số đầu năm				
Vay và nợ	210.187.825.831	64.244.723.098	180.000.000.000	454.432.548.929
Phải trả người bán	358.146.707.508	-	-	358.146.707.508
Các khoản phải trả khác	88.074.630.029	14.871.265.097	-	102.945.895.126
Cộng	656.409.163.368	79.115.988.195	180.000.000.000	915.525.151.563

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

d. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

e. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

f. Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.895.269.365	36.817.768.181	24.895.269.365	36.817.768.181
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	283.951.752.395	231.073.305.317	283.951.752.395	231.073.305.317
Phải thu khách hàng	275.900.053.183	244.535.226.314	275.900.053.183	244.535.226.314
Các khoản phải thu khác	22.760.673.025	23.630.019.135	22.760.673.025	23.630.019.135
Cộng	607.507.747.968	536.056.318.947	607.507.747.968	536.056.318.947
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	748.100.695.056	454.432.548.929	748.100.695.056	454.432.548.929
Phải trả người bán	239.917.700.422	358.146.707.508	239.917.700.422	358.146.707.508
Các khoản phải trả khác	49.093.606.993	102.945.895.126	49.093.606.993	102.945.895.126
Cộng	1.037.112.002.471	915.525.151.563	1.037.112.002.471	915.525.151.563

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.2, V.9, và V.18).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán NVA – Chi nhánh Phía Bắc (NVA).

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán NVA – Chi nhánh Phía Bắc (NVA).

Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Do đó Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, chi tiết trình bày lại như sau:

<i>Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ</i>	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước		
	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu sau trình bày lại
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	155.080.370.000	231.073.305.317
Phải thu ngắn hạn khác	135	11.136.835.862	9.143.900.545

Phê duyệt, ngày 26 tháng 08 năm 2026



Đinh Thị Tuyết Nhung
Người lập biểu



Cao Thị Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc